

Công ước số 111**Phân biệt đối xử (Việc làm và Nghề nghiệp), 1958**

*Công ước về Phân biệt đối xử
trong Việc làm và Nghề nghiệp*

Lời nói đầu

Hội nghị Toàn thể của Tổ chức Lao động Quốc tế,

Được Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế triệu tập tại Geneva ngày 04 tháng 6 năm 1958, trong kỳ họp thứ bốn mươi hai, và

Sau khi đã quyết định chấp thuận một số đề nghị về phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp là nội dung thứ tư trong chương trình nghị sự của kỳ họp, và

Sau khi đã quyết định rằng những đề nghị đó sẽ mang hình thức một Công ước quốc tế, và

Xét rằng Tuyên ngôn Philadelphia khẳng định tất cả mọi người sinh ra, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng hay giới tính, đều có quyền mưu cầu đời sống vật chất đầy đủ và sự phát triển tinh thần trong điều kiện tự do và nhân phẩm, ổn định kinh tế và cơ hội bình đẳng, và

Xét rằng phân biệt đối xử là một sự vi phạm các quyền được ghi trong Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền,

thông qua ngày 25 tháng 6 năm 1958, Công ước dưới đây gọi là Công ước về Phân biệt Đối xử (trong Việc làm và Nghề nghiệp), năm 1958:

C111 - Discrimination (Employment and Occupation) Convention, 1958

*Convention concerning Discrimination
in Respect of Employment and Occupation*

Preamble

The General Conference of the International Labour Organisation,

Having been convened at Geneva by the Governing Body of the International Labour Office, and having met in its Forty-second Session on 4 June 1958, and

Having decided upon the adoption of certain proposals with regard to discrimination in the field of employment and occupation, which is the fourth item on the agenda of the session, and

Having determined that these proposals shall take the form of an international Convention, and

Considering that the Declaration of Philadelphia affirms that all human beings, irrespective of race, creed or sex, have the right to pursue both their material well-being and their spiritual development in conditions of freedom and dignity, of economic security and equal opportunity, and

Considering further that discrimination constitutes a violation of rights enunciated by the Universal Declaration of Human Rights,

adopts this twenty-fifth day of June of the year one thousand nine hundred and fifty-eight the following Convention, which may be cited as the Discrimination (Employment and Occupation) Convention, 1958:

Điều 1

1. Trong Công ước này, thuật ngữ “phân biệt đối xử” bao gồm:

a) mọi sự phân biệt, loại trừ hoặc ưu đãi dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội, có tác động triệt bỏ hoặc làm phương hại sự bình đẳng về cơ hội hoặc về đãi ngộ trong việc làm hoặc nghề nghiệp;

b) mọi sự phân biệt, loại trừ hoặc ưu đãi khác nhằm triệt bỏ hoặc làm phương hại sự bình đẳng về cơ hội hoặc về đãi ngộ trong việc làm và nghề nghiệp có thể do Thành viên có liên quan xác định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động, của người lao động (nếu có) và các tổ chức thích hợp khác.

2. Mọi sự phân biệt, loại trừ hoặc ưu đãi cho một công việc nhất định và căn cứ trên những yêu cầu vốn có của công việc đó thì sẽ không coi là phân biệt đối xử.

3. Trong Công ước này, những thuật ngữ “việc làm” và “nghề nghiệp” bao hàm cả việc tiếp cận đào tạo nghề, tiếp cận việc làm và các nghề nghiệp cụ thể và điều khoản, điều kiện việc làm.

Điều 2

Mỗi Thành viên mà ở đó Công ước này có hiệu lực cam kết tuyên bố và theo đuổi một chính sách quốc gia, bằng những phương pháp phù hợp với hoàn cảnh và thực tiễn quốc gia, nhằm thúc đẩy bình đẳng về cơ hội và về đối xử trong việc làm và nghề nghiệp để xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử về mặt này.

Article 1

1. For the purpose of this Convention the term “discrimination” includes:

(a) any distinction, exclusion or preference made on the basis of race, colour, sex, religion, political opinion, national extraction or social origin, which has the effect of nullifying or impairing equality of opportunity or treatment in employment or occupation;

(b) such other distinction, exclusion or preference which has the effect of nullifying or impairing equality of opportunity or treatment in employment or occupation as may be determined by the Member concerned after consultation with representative employers’ and workers’ organisations, where such exist, and with other appropriate bodies.

2. Any distinction, exclusion or preference in respect of a particular job based on the inherent requirements thereof shall not be deemed to be discrimination.

3. For the purpose of this Convention the terms “employment” and “occupation” include access to vocational training, access to employment and to particular occupations, and terms and conditions of employment.

Article 2

Each Member for which this Convention is in force undertakes to declare and pursue a national policy designed to promote, by methods appropriate to national conditions and practice, equality of opportunity and treatment in respect of employment and occupation, with a view to eliminating any discrimination in respect thereof.

Điều 3

Mỗi Thành viên mà ở đó Công ước này có hiệu lực phải có các biện pháp phù hợp với hoàn cảnh và thực tiễn quốc gia để:

a) đạt được sự hợp tác của các tổ chức của người sử dụng lao động, của người lao động và các tổ chức thích hợp khác nhằm đẩy mạnh việc chấp nhận và thực hiện chính sách này;

b) ban hành pháp luật và thúc đẩy các chương trình giáo dục nhằm đảm bảo việc chấp nhận và thực hiện chính sách này;

c) hủy bỏ mọi quy định pháp luật và sửa đổi mọi hướng dẫn hoặc thủ tục hành chính không phù hợp với chính sách đó;

d) theo đuổi chính sách việc làm với sự kiểm soát trực tiếp của một cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia;

e) bảo đảm sự tuân thủ chính sách trong hoạt động của các tổ chức hướng nghiệp, dạy nghề và sắp xếp việc làm theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quốc gia;

f) thể hiện trong báo cáo hàng năm của mình về việc áp dụng Công ước này những biện pháp đã sử dụng để theo đuổi chính sách đó và kết quả đã đạt được.

Điều 4

Những biện pháp ảnh hưởng tới một cá nhân đang tham gia hoặc bị nghi ngờ chính đáng là đã tham gia một hoạt động phương hại tới an ninh quốc gia sẽ không được coi là phân biệt

Article 3

Each Member for which this Convention is in force undertakes, by methods appropriate to national conditions and practice:

(a) to seek the co-operation of employers' and workers' organisations and other appropriate bodies in promoting the acceptance and observance of this policy;

(b) to enact such legislation and to promote such educational programmes as may be calculated to secure the acceptance and observance of the policy;

(c) to repeal any statutory provisions and modify any administrative instructions or practices which are inconsistent with the policy;

(d) to pursue the policy in respect of employment under the direct control of a national authority;

(e) to ensure observance of the policy in the activities of vocational guidance, vocational training and placement services under the direction of a national authority;

(f) to indicate in its annual reports on the application of the Convention the action taken in pursuance of the policy and the results secured by such action.

Article 4

Any measures affecting an individual who is justifiably suspected of, or engaged in, activities prejudicial to the security of the State shall not be deemed to be discrimination, provided that the individual concerned shall have the right to

đãi xử, miễn là đương sự có quyền khiếu nại tới một cơ quan có thẩm quyền được thiết lập theo thực tiễn quốc gia.

Điều 5

1. Những biện pháp bảo vệ hoặc trợ giúp đặc biệt được quy định trong các Công ước hoặc Khuyến nghị khác mà Hội nghị Lao động Quốc tế đã thông qua không được coi là phân biệt đối xử.

2. Mọi Thành viên, sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và của người lao động (nếu có), đều có thể xác định những biện pháp đặc biệt khác nhằm đáp ứng nhu cầu riêng của những người mà việc bảo vệ hoặc sự trợ giúp đặc biệt đối với họ nói chung được thừa nhận là cần thiết vì những lý do như là giới tính, độ tuổi, khuyết tật, trách nhiệm gia đình, tình trạng xã hội hoặc văn hóa không phải là phân biệt đối xử.

Điều 6

Mỗi Thành viên phê chuẩn Công ước này cam kết áp dụng Công ước cho các lãnh thổ phi chính quốc, theo những quy định trong Hiến chương của Tổ chức Lao động Quốc tế.

Các Điều từ 7 đến 14: Những quy định cuối cùng (xem phụ lục I).

appeal to a competent body established in accordance with national practice.

Article 5

1. Special measures of protection or assistance provided for in other Conventions or Recommendations adopted by the International Labour Conference shall not be deemed to be discrimination.

2. Any Member may, after consultation with representative employers' and workers' organisations, where such exist, determine that other special measures designed to meet the particular requirements of persons who, for reasons such as sex, age, disablement, family responsibilities or social or cultural status, are generally recognised to require special protection or assistance, shall not be deemed to be discrimination.

Article 6

Each Member which ratifies this Convention undertakes to apply it to non-metropolitan territories in accordance with the provisions of the Constitution of the International Labour Organisation.

Articles 7 – 14: Final provisions (see Annex I).

PHỤ LỤC I
NHỮNG QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG

Điều 1

Việc phê chuẩn chính thức Công ước này phải được đăng ký với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế.

Điều 2

1. Công ước này chỉ mang tính bắt buộc với những Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế đã đăng ký việc phê chuẩn của mình với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế.

2. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày hai Thành viên đã đăng ký việc phê chuẩn của mình với Tổng Giám đốc.

3. Sau đó, Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 12 tháng đối với bất kỳ Thành viên nào kể từ ngày Thành viên đó đăng ký việc phê chuẩn với Tổng Giám đốc.

Điều 3

1. Thành viên đã phê chuẩn Công ước này có thể bãi ước sau khi kết thúc thời hạn 10 năm kể từ ngày Công ước bắt đầu có hiệu lực, bằng một văn bản đăng ký việc bãi ước với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế. Việc bãi ước này chỉ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày đăng ký với Tổng Giám đốc.

ANNEX I
FINAL PROVISIONS

Article 1

The formal ratifications of this Convention shall be communicated to the Director-General of the International Labour Office for registration.

Article 2

1. This Convention shall be binding only upon those Members of the International Labour Organization whose ratifications have been registered with the Director-General of the International Labour Office.

2. It shall come into force 12 months after the date on which the ratifications of two Members have been registered with the Director-General.

3. Thereafter, this Convention shall come into force for any Member 12 months after the date on which its ratification has been registered.

Article 3

1. A Member which has ratified this Convention may denounce it after the expiration of ten years from the date on which the Convention first comes into force, by an act communicated to the Director-General of the International Labour Office for registration. Such denunciation shall not take effect until one year after the date on which it is registered.

2. Mỗi Thành viên đã phê chuẩn Công ước này, trong vòng 01 năm sau khi kết thúc thời hạn 10 năm đề cập ở khoản trên không thực hiện quyền bãi ước quy định tại Điều này, thì sẽ bị ràng buộc trong một thời hạn 10 năm nữa rồi sau đó mới có thể bãi ước Công ước này mỗi khi kết thúc thời hạn 10 năm theo những điều kiện quy định tại Điều này.

Điều 4

1. Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế sẽ thông báo cho mọi Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế biết mọi trường hợp đăng ký phê chuẩn và bãi ước mà các Thành viên đã truyền đạt cho Tổng Giám đốc.

2. Khi thông báo cho các Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế về việc đăng ký phê chuẩn của Thành viên thứ hai, Tổng Giám đốc sẽ lưu ý các Thành viên về thời điểm mà Công ước bắt đầu có hiệu lực.

Điều 5

Để đăng ký theo Điều 102 của Hiến chương Liên Hợp quốc, Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế sẽ truyền đạt cho Tổng Thư ký Liên Hợp quốc đầy đủ mọi chi tiết về việc phê chuẩn và các văn bản về bãi ước đã được đăng ký cho Tổng Giám đốc theo các quy định tại Điều trên.

Điều 6

Mỗi khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế sẽ trình một bản báo cáo về tình hình hoạt động của Công ước này lên Hội nghị Toàn thể ILO và sẽ

2. Each Member which has ratified this Convention and which does not, within the year following the expiration of the period of ten years mentioned in the preceding paragraph, exercise the right of denunciation provided for in this Article, will be bound for another period of ten years and, thereafter, may denounce this Convention at the expiration of each period of ten years under the terms provided for in this Article.

Article 4

1. The Director-General of the International Labour Office shall notify all Members of the International Labour Organization of the registration of all ratifications and acts of denunciation communicated by the Members of the Organization.

2. When notifying the Members of the Organization of the registration of the second ratification, the Director-General shall draw the attention of the Members of the Organization to the date upon which the Convention shall come into force.

Article 5

The Director-General of the International Labour Office shall communicate to the Secretary-General of the United Nations, for registration in accordance with article 102 of the Charter of the United Nations, full particulars of all ratifications and acts of denunciation registered by the Director-General in accordance with the provisions of the preceding Articles.

Article 6

At such times as it may consider necessary, the Governing Body of the International Labour Office shall present to the General Conference a report on the working of

xem xét có cần đưa vào chương trình nghị sự của Hội nghị việc sửa đổi một phần hoặc toàn bộ Công ước này hay không.

Điều 7

1. Nếu Hội nghị thông qua một Công ước mới sửa đổi một phần hoặc toàn bộ Công ước và nếu Công ước mới không quy định khác thì:

a) một Thành viên phê chuẩn một Công ước mới sửa đổi, thì sẽ đương nhiên dẫn đến sự bãi ước ngay lập tức đối với Công ước này vào lúc Công ước mới sửa đổi đó bắt đầu có hiệu lực, mặc dù có những quy định tại Điều 11;

b) kể từ ngày Công ước mới sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, các Thành viên sẽ không tiếp tục phê chuẩn Công ước này nữa.

2. Trong mọi trường hợp, Công ước này sẽ giữ nguyên hiệu lực về cả hình thức và nội dung đối với những Thành viên đã phê chuẩn Công ước này mà không phê chuẩn Công ước mới sửa đổi.

Điều 8

Cả hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước này đều có giá trị như nhau.

this Convention and shall examine the desirability of placing on the agenda of the Conference the question of its revision in whole or in part.

Article 7

1. Should the Conference adopt a new Convention revising this Convention in whole or in part, then, unless the new Convention otherwise provides:

(a) the ratification by a Member of the new revising Convention shall ipso jure involve the immediate denunciation of this Convention, notwithstanding the provisions of Article 11 above, if and when the new revising Convention shall have come into force;

(b) as from the date when the new revising Convention comes into force, this Convention shall cease to be open to ratification by the Members.

2. This Convention shall in any case remain in force in its actual form and content for those Members which have ratified it but have not ratified the revising Convention.

Article 8

The English and French versions of the text of this Convention are equally authoritative.

PHỤ LỤC II NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 1

1. Đối với các vùng lãnh thổ nêu trong Điều 35 Hiến chương của Tổ chức Lao động Quốc tế đã được sửa đổi bởi Văn kiện sửa đổi Hiến chương của Tổ chức Lao động Quốc tế năm 1946, trừ các vùng lãnh thổ nêu tại Khoản 4 và 5 Điều 35 đã được sửa đổi nói trên, mỗi Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế phê chuẩn Công ước này phải thông báo cho Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế càng sớm càng tốt ngay sau khi phê chuẩn kèm theo một tuyên bố nêu rõ:

a) các vùng lãnh thổ mà Thành viên đó cam kết sẽ áp dụng toàn bộ các quy định của Công ước này mà không sửa đổi;

b) các vùng lãnh thổ mà Thành viên đó cam kết sẽ áp dụng những quy định của Công ước này với những sửa đổi và chi tiết những sửa đổi đó;

c) các vùng lãnh thổ không áp dụng Công ước này và trong trường hợp đó, lý do không áp dụng;

d) các vùng lãnh thổ mà Thành viên đó còn bảo lưu quyết định của mình.

2. Những cam kết nêu trong Điểm (a) và (b) Khoản 1 của Điều này được coi là một phần không thể thiếu trong việc phê chuẩn và có hiệu lực cùng với việc phê chuẩn.

ANNEX II MISCELLANEOUS PROVISIONS

Article 1

1. In respect of the territories referred to in Article 35 of the Constitution of the International Labour Organisation as amended by the Constitution of the International Labour Organisation Instrument of Amendment 1946, other than the territories referred to in paragraphs 4 and 5 of the said article as so amended, each Member of the Organisation which ratifies this Convention shall communicate to the Director-General of the International Labour Office with or as soon as possible after its ratification a declaration stating:

(a) the territories in respect of which it undertakes that the provisions of the Convention shall be applied without modification;

(b) the territories in respect of which it undertakes that the provisions of the Convention shall be applied subject to modifications, together with details of the said modifications;

(c) the territories in respect of which the Convention is inapplicable and in such cases the grounds on which it is inapplicable;

(d) the territories in respect of which it reserves its decision.

2. The undertakings referred to in subparagraphs (a) and (b) of paragraph 1 of this Article shall be deemed to be an integral part of the ratification and shall have the force of ratification.

3. Mọi Thành viên có thể hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần quyết định bảo lưu được đưa ra trong tuyên bố ban đầu của mình theo Điểm (b), (c) hoặc (d) Khoản 1 Điều này tại bất cứ thời điểm nào bằng một tuyên bố khác sau đó.

4. Mọi Thành viên, vào bất cứ thời điểm nào mà Công ước này bị bãi ước theo quy định tại Điều 16, có thể thông báo cho Tổng Giám đốc một tuyên bố sửa đổi bất cứ điều khoản nào trong tuyên bố trước đó và ghi rõ quan điểm hiện nay về những vùng lãnh thổ mà Thành viên đó xác định.

Điều 2

1. Trong trường hợp đối tượng của Công ước này thuộc phạm vi quyền tự trị của bất cứ vùng lãnh thổ phi chính quốc nào thì Thành viên chịu trách nhiệm về quan hệ quốc tế của vùng lãnh thổ đó có thể thông báo cho Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế một tuyên bố chấp nhận những nghĩa vụ của Công ước này thay cho vùng lãnh thổ đó, trên cơ sở nhất trí với chính phủ của vùng lãnh thổ đó.

2. Tuyên bố chấp nhận những nghĩa vụ của Công ước này có thể được thông báo cho Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế:

a) bởi từ hai Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế trở lên đối với mọi vùng lãnh thổ thuộc thẩm quyền chung của họ; hoặc

b) bởi cơ quan quốc tế chịu trách nhiệm điều hành vùng lãnh thổ, theo Hiến chương Liên Hợp quốc đối với vùng lãnh thổ đó.

3. Any Member may at any time by a subsequent declaration cancel in whole or in part any reservations made in its original declaration in virtue of subparagraphs (b), (c) or (d) of paragraph 1 of this Article.

4. Any Member may, at any time at which the Convention is subject to denunciation in accordance with the provisions of Article 16, communicate to the Director-General a declaration modifying in any other respect the terms of any former declaration and stating the present position in respect of such territories as it may specify.

Article 2

1. Where the subject-matter of this Convention is within the self-governing powers of any non-metropolitan territory, the Member responsible for the international relations of that territory may, in agreement with the government of the territory, communicate to the Director-General of the International Labour Office a declaration accepting on behalf of the territory the obligations of this Convention.

2. A declaration accepting the obligations of this Convention may be communicated to the Director-General of the International Labour Office:

(a) by two or more Members of the Organisation in respect of any territory which is under their joint authority; or

(b) by any international authority responsible for the administration of any territory, in virtue of the Charter of the United Nations or otherwise, in respect of any such territory.

3. Tuyên bố gửi Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế phù hợp với những khoản trên của Điều này phải nêu rõ các quy định của Công ước sẽ được áp dụng tại vùng lãnh thổ có liên quan mà không sửa đổi hoặc có sửa đổi; trong trường hợp tuyên bố chỉ ra rằng các quy định của Công ước này sẽ được áp dụng với một số sửa đổi, tuyên bố phải nêu rõ chi tiết về những sửa đổi nói trên.

4. Một Thành viên, nhiều Thành viên hoặc cơ quan quốc tế có liên quan có thể từ bỏ toàn bộ hoặc một phần quyền áp dụng bất cứ sửa đổi nào được nêu trong tuyên bố trước đây vào bất cứ thời điểm nào bằng một tuyên bố mới.

5. Một Thành viên, nhiều Thành viên hoặc cơ quan quốc tế có liên quan có thể thông báo với Tổng Giám đốc một tuyên bố sửa đổi bất cứ điều khoản nào trong tuyên bố trước đó và ghi rõ quan điểm hiện nay về việc áp dụng Công ước, vào bất cứ thời điểm nào mà Công ước này bị bãi ước theo quy định tại Điều 16.

3. Declarations communicated to the Director-General of the International Labour Office in accordance with the preceding paragraphs of this Article shall indicate whether the provisions of the Convention will be applied in the territory concerned without modification or subject to modifications; when the declaration indicates that the provisions of the Convention will be applied subject to modifications it shall give details of the said modifications.

4. The Member, Members or international authority concerned may at any time by a subsequent declaration renounce in whole or in part the right to have recourse to any modification indicated in any former declaration.

5. The Member, Members or international authority concerned may, at any time at which this Convention is subject to denunciation in accordance with the provisions of Article 16, communicate to the Director-General a declaration modifying in any other respect the terms of any former declaration and stating the present position in respect of the application of the Convention.